

BỘ QUỐC PHÒNG

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 110/2014/TT-BQP

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2014

THÔNG TƯ

**Ban hành Quy chế quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet
trong Quân đội nhân dân Việt Nam**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin năm 2006;

Căn cứ Luật Viễn thông năm 2009;

Căn cứ Luật Cơ yếu năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet;

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Xét đề nghị của Tổng Tham mưu trưởng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2014 và thay thế Quyết định số 06/2003/QĐ-BQP ngày 17 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quy chế quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 3. Tổng Tham mưu trưởng, chỉ huy các cơ quan, đơn vị trong Quân đội chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Đỗ Bá Tỵ

BỘ QUỐC PHÒNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****QUY CHẾ****Quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet
trong Quân đội nhân dân Việt Nam**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 110/2014/TT-BQP
ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet, bảo đảm an toàn thông tin trên mạng Internet trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị và cá nhân tham gia quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng Internet trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hoạt động trên mạng Internet là việc quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trên mạng Internet.

2. Mạng là khái niệm chung dùng để chỉ mạng viễn thông (cố định, di động, Internet), mạng máy tính (WAN, LAN).

3. Dịch vụ Internet bao gồm dịch vụ truy nhập Internet và dịch vụ kết nối Internet:

a) Dịch vụ truy nhập Internet là dịch vụ cung cấp cho người sử dụng Internet khả năng truy nhập đến Internet;

b) Dịch vụ kết nối Internet là dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập Internet, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ứng dụng viễn thông khả năng kết nối với nhau để chuyển tải lưu lượng Internet.

4. Dịch vụ Internet trong Quân đội là dịch vụ truy nhập Internet dành riêng cho cơ quan, đơn vị trong Quân đội, theo quy trình đăng ký sử dụng do Bộ Quốc phòng quy định.

5. Thông tin trên mạng là thông tin được lưu trữ, truyền đưa, thu thập và xử lý thông qua mạng.

6. Thông tin tổng hợp là thông tin được tổng hợp từ nhiều nguồn thông tin, nhiều loại hình thông tin về một hoặc nhiều lĩnh vực quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

7. Nguồn tin chính thức là những thông tin được đăng, phát trên báo chí Việt Nam hoặc trên các trang thông tin điện tử của cơ quan Đảng, Nhà nước theo quy định pháp luật về báo chí, sở hữu trí tuệ.

8. Hệ thống thông tin là tập hợp các thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin bao gồm phần cứng, phần mềm và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động lưu trữ, xử lý, truyền đưa, chia sẻ, trao đổi, cung cấp và sử dụng thông tin.

9. Trang thông tin điện tử là trang thông tin hoặc một tập hợp trang thông tin trên môi trường mạng phục vụ cho việc cung cấp và trao đổi thông tin.

10. Cổng thông tin điện tử là điểm truy cập duy nhất của cơ quan, đơn vị trên môi trường mạng, liên kết, tích hợp các kênh thông tin, các dịch vụ và các ứng dụng mà qua đó người dùng có thể khai thác, sử dụng và cá nhân hóa việc hiển thị thông tin.

11. Mạng xã hội là hệ thống thông tin cung cấp cho cộng đồng người sử dụng mạng các dịch vụ lưu trữ, cung cấp, sử dụng, tìm kiếm, chia sẻ và trao đổi thông tin với nhau, bao gồm dịch vụ tạo trang thông tin điện tử cá nhân, diễn đàn, trò chuyện trực tuyến, chia sẻ âm thanh, hình ảnh và các hình thức dịch vụ tương tự khác.

12. An toàn thông tin là sự bảo vệ thông tin và hệ thống thông tin tránh bị truy cập, sử dụng, tiết lộ, làm gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép nhằm bảo đảm tính nguyên vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin.

13. An ninh thông tin là việc bảo đảm thông tin trên mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, bí mật nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

14. Ứng cứu sự cố mạng Internet là hoạt động nhằm xử lý, khắc phục sự cố gây mất an toàn thông tin trên mạng Internet.

Điều 4. Quản lý, phát triển mạng Internet trong Quân đội

1. Bộ Quốc phòng thống nhất quản lý việc cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet trong Quân đội theo các quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng về lĩnh vực hoạt động Internet.

2. Việc phát triển Internet trong Quân đội được thực hiện trên các cơ sở sau:

a) Đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh phổ cập Internet và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

b) Góp phần xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại;

c) Sẵn sàng đối phó với các cuộc chiến tranh thông tin, bảo đảm bí mật quốc phòng, an ninh quốc gia và an toàn cho các hệ thống thông tin do Quân đội quản lý trên mạng Internet.

Điều 5. Nguyên tắc bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trên mạng Internet

1. Tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet trong Quân đội phải bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong phạm vi hệ thống thông tin do tổ chức, cá nhân quản lý; phối hợp với các cơ quan chức năng thuộc Bộ Quốc phòng, tổ chức và cá nhân liên quan trong việc bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trên mạng Internet.

2. Hoạt động bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trên mạng Internet phải thực hiện thường xuyên, liên tục, hiệu quả, bảo đảm chấp hành và thực hiện đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn thông tin và quy định của pháp luật về chất lượng dịch vụ viễn thông, Internet.

3. Cơ quan, đơn vị tham gia hoạt động trên mạng Internet phải triển khai, thực hiện đầy đủ chính sách và giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trên mạng.

Điều 6. Ứng cứu sự cố mạng Internet

1. Ứng cứu sự cố mạng được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- a) Nhanh chóng, chính xác, kịp thời, hiệu quả;
- b) Chấp hành và thực hiện quy định điều phối của cơ quan chuyên trách về công nghệ thông tin thuộc Bộ Quốc phòng;
- c) Phối hợp giữa các tổ chức, doanh nghiệp trong nước, quốc tế phải được Bộ Quốc phòng quyết định.

2. Cơ quan, đơn vị khi tham gia mạng Internet phải thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng trong thiết lập chính sách và triển khai các ứng dụng giám sát an toàn mạng phục vụ hoạt động ứng cứu sự cố mạng Internet.

Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Cung cấp, trao đổi thông tin có nội dung thuộc lĩnh vực bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật quân sự, quốc phòng qua mạng Internet.

2. Tạo lập và cung cấp thông tin cá nhân với tư cách quân nhân lên các trang thông tin điện tử, các mạng xã hội.

3. Truy cập vào các trang thông tin điện tử mạo danh, phản động, có nội dung không lành mạnh.

4. Kết nối mạng Internet với mạng truyền số liệu quân sự; mạng nội bộ của cơ quan, đơn vị.

5. Sử dụng máy tính có kết nối Internet hoặc các thiết bị có khả năng kết nối Internet (điện thoại thông minh, máy tính bảng) kết nối với mạng truyền số liệu quân sự; mạng nội bộ của cơ quan, đơn vị.

6. Truy cập Internet qua kết nối không dây trong khu vực sở chỉ huy của cơ quan, đơn vị cấp chiến lược, chiến dịch.

7. Lưu trữ, soạn thảo các tài liệu quân sự trên máy tính kết nối Internet; các thiết bị có khả năng kết nối Internet.

8. Sử dụng chung thiết bị lưu trữ giữa máy tính kết nối Internet và máy tính kết nối mạng truyền số liệu quân sự, mạng nội bộ của cơ quan, đơn vị khi chưa có giải pháp bảo đảm an toàn thông tin.

Chương II

QUẢN LÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ INTERNET

Điều 8. Điều kiện xin cấp phép cung cấp dịch vụ Internet

Doanh nghiệp có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông loại hình dịch vụ Internet của Bộ Thông tin và Truyền thông và thẩm định của cơ quan chuyên môn về công nghệ thông tin thuộc Bộ Quốc phòng.

Điều 9. Thẩm quyền cấp phép cung cấp dịch vụ Internet

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, cấp phép cho các doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ Internet trong Quân đội.

Điều 10. Quy trình đăng ký, cấp phép cung cấp dịch vụ Internet trong Quân đội

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet có nhu cầu cung cấp dịch vụ Internet trong Quân đội gửi hồ sơ về Cục Công nghệ thông tin/Bộ Tổng Tham mưu, hồ sơ gồm:

a) Bản sao có chứng thực Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông loại hình dịch vụ Internet do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp;

b) Đơn xin cung cấp dịch vụ Internet trong Quân đội, thực hiện theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Quy chế này.

2. Cục Công nghệ thông tin/Bộ Tổng Tham mưu tiếp nhận hồ sơ và phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan thẩm định hồ sơ; trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phải trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định.

3. Trường hợp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng không cấp phép, Cục Công nghệ thông tin/Bộ Tổng Tham mưu phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do để doanh nghiệp xin cấp phép biết.